

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HS-ST
Ngày 13 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Tuyên và ông Hoàng Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án- Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Ma Kim Hiệp- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 68/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nông Hồng Q. Tên gọi khác: Không có.

Sinh ngày: 19/01/1993 tại thị trấn T, huyện T, Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 3, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nông Văn D, sinh năm 1961 và bà Ngô Thị T, sinh năm 1966; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Đặc điểm nhân thân: Ngày 19/01/2017, Tòa án nhân dân huyện T, Cao Bằng ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng; Ngày 17/11/2020, Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 11/5/2022, bị Tòa án nhân dân huyện T, Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản (Bản án số 41/2022/HSST).

Bị cáo bị bắt ngày 25/01/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

2. Nông Văn Q. Tên gọi khác: Không có.

Sinh ngày: 07/4/1994 tại xã C, huyện T, Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm L, xã C, huyện T, Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn:

7/12; Con ông Nông Văn N, sinh năm 1958; Con bà Nông Thị B, sinh năm 1960; Vợ: Nông Thị H, sinh năm 1999; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 19/02/2022, đến ngày 28/02/2022 được trả tự do. Đến ngày 19/3/2022 bị bắt tạm giam, từ ngày 19/3/2022 bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng đến nay. *Có mặt.*

3. Nông Văn L. Tên gọi khác: Không có.

Sinh ngày: 23/3/1994 tại xã C, huyện T, Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng;

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nông Văn Đ, đã chết; Con bà Mã Thị S, sinh năm 1950; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Đặc điểm nhân thân: Ngày 23/02/2010, Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hà Nội xử phạt 05 (năm) tù về Tội cướp tài sản. Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã số 01 ngày 18/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Cao Bằng.

Bị cáo bị bắt ngày 19/5/2022 theo quyết định truy nã số 01 ngày 18/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

4. Lê Văn B. Tên gọi khác: Không có.

Sinh ngày: 29/8/1985 tại thị trấn T, huyện T, Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 3, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng;

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1950; Con bà Nông Thị R, sinh năm 1950; Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1972; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Đặc điểm nhân thân: Ngày 08/4/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng; Ngày 07/12/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng; Ngày 05/11/2014, Tòa án nhân dân huyện T, Cao Bằng xử phạt 24 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/6/2016.

Bị cáo bị bắt ngày 06/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

- Bị hại:

1. Nông Thị V, sinh năm 1965; trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, Cao Bằng. *Có mặt.*

2. Thạch Văn K, sinh năm 1980; trú tại tổ dân phố 7, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng. *Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.*

3. Công ty Viettel Chi nhánh huyện T, tỉnh Cao Bằng.
Đại diện theo pháp luật: Bế Văn T - Chức vụ: Giám đốc.
Địa chỉ: Phố H, thị trấn Q, huyện T, Cao Bằng. *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lương Kiến Q, sinh năm 1983; trú tại tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng. *Có mặt.*

2. Triệu Văn Q, sinh năm 1989; trú tại tổ dân phố 7, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng. *Vắng mặt.*

3. Ma Thị B, sinh năm 1988; trú tại xóm N, xã Đ, huyện T, Cao Bằng. *Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.*

4. Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; trú tại tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng. *Vắng mặt.*

5. Nông Thị Đ, sinh năm 1983; trú tại tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng. *Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.*

- Người làm chứng: Lục Văn D, sinh năm 1977; trú tại xóm L, xã C, huyện T, Cao Bằng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/01/2022, Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng tiếp nhận tin báo của ông Thạch Văn K, sinh năm 1980, trú tại tổ dân phố 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng phát hiện tại xưởng sản xuất than tổ ong của ông tại tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng bị mất 02 (hai) chiếc mô tô điện loại 5,5 KW và 01 (một) chiếc máy mài cầm tay.

Ngày 17/02/2022, Công an xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng tiếp nhận tin của chị Mã Thị D, sinh năm 2003, trú tại xóm B, xã Đ, huyện T là học sinh lớp 12C, Trường Trung học phổ thông P, xã C trình báo bị mất 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 069.21 để cách cổng trường khoảng 20 mét.

Ngày 18/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiếp nhận tin báo của ông Bế Văn T, sinh năm 1991, trú tại thị trấn Q, huyện Quảng H, tỉnh Cao Bằng chức vụ: Giám đốc kỹ thuật Viettel huyện T, tỉnh Cao Bằng trình báo: Khoảng 16 giờ ngày 18/3/2022 tại Trạm BTS Viettel thuộc xóm S, xã C, huyện T bị mất trộm dây tiếp địa (dây chống sét).

Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an thị trấn T đã tiến hành điều tra xác minh, làm rõ các đối tượng: Nông Hồng Q, sinh 1993, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn T, huyện T; Nông Văn L, sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện T; Lê Văn B, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn T, huyện T và Nông Văn Q, sinh năm 1994, trú tại xóm L, xã C, huyện T cùng thực hiện hành vi trộm cắp. Quá

trình xác minh đã tạm giữ các vật chứng: 02 (hai) mô tơ điện; 01 (một) máy mài cầm tay; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 069.21. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh để điều tra.

Kết quả điều tra xác định được cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 06/01/2022, Nông Hồng Q rủ Nông Văn Q và L đến xưởng sản xuất than tổ ong của ông Thạch Văn K tại tổ dân phố 5, thị trấn T để trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền. Nông Văn Q và L đồng ý. Cả ba người đến xưởng than, thấy xưởng được xây bằng gạch xi măng, mái lợp bằng tôn, trên tường có khoảng hở 50 cm. Nông Hồng Q và L trèo qua tường đi vào trong phòng nghỉ của xưởng. Nông Văn Q đứng ở ngoài cảnh giới. Nông Hồng Q và L thấy có 02 (hai) chiếc mô tơ điện và 01 (một) chiếc máy mài cầm tay để ở góc nhà bên trái nên lấy dây điện ở trong xưởng quấn vào 01 chiếc mô tơ điện, loại 5,5 KW, nhãn hiệu nước ngoài rồi vứt một đầu dây qua tường để Nông Văn Q đứng ngoài kéo. Nông Hồng Q, L ở bên trong đẩy chiếc mô tơ điện lên đỉnh tường. Sau đó, Nông Hồng Q đứng trong giữ dây; L trèo ra ngoài cùng Nông Văn Q đỡ chiếc mô tơ điện từ từ hạ xuống đất. Sau đó, Nông Hồng Q lấy thêm chiếc máy mài cầm tay, 01 (một) cái đòn và 01 (một) chiếc bao tải tại xưởng rồi trèo tường ra ngoài. Cả ba người lấy bao tải che chiếc mô tơ, lấy dây điện buộc và dùng đòn khiêng chiếc mô tơ, cầm chiếc máy mài đi được khoảng 01 (một) km thì cất giấu chiếc mô tơ tại bãi gạch bỏ hoang, thuộc địa phận tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T (gần nhà nghỉ Hoa Cúc). Sau đó, cả ba cầm theo chiếc máy mài về nhà L cất.

Đến khoảng 13 giờ ngày 07/01/2022, Nông Hồng Q mượn xe mô tô của Lê Văn B, cùng Nông Văn Q mang chiếc mô tơ đi bán cho chị Ma Thị B, sinh năm 1988, trú tại xóm N, xã Đ, huyện T. Chiếc mô tơ cân được 72 kg, bán được 720.000đ (bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Sau đó, Nông Hồng Q, Nông Văn Q, L, B đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 11/01/2022, L mang chiếc máy mài cầm tay bán cho ông Triệu Văn Q, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố 7, thị trấn T, huyện T được 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền có được, L đi mua ma túy về cùng Nông Văn Q sử dụng.

Trong vụ này, B không biết tài sản mang đi bán do Nông Hồng Q, Nông Văn Q và L trộm cắp được.

Vụ thứ hai: Do biết trong xưởng còn 01 (một) chiếc mô tơ điện, khoảng 19 giờ ngày 09/01/2022, Nông Hồng Q tiếp tục rủ B đến xưởng than của ông K trộm cắp. B đồng ý. Khi đến xưởng than, Nông Hồng Q và B trèo lên tường nhà phòng nghỉ của xưởng lấy chiếc mô tơ điện. Nông Hồng Q, B nhấc chiếc mô tơ lên trên giường, kê 02 (hai) chiếc ghế lên giường, cả hai khiêng chiếc mô tơ điện lên đỉnh

tường phía sau nhà, rồi đẩy chiếc mô tơ điện rơi ra ngoài. Nông Hồng Q, B trèo tường ra ngoài, lấy chiếc đòn ở gần xưởng khiêng chiếc mô tơ đi khoảng 01 (một) km đến cất giấu ở chân một cột điện gần nhà nghỉ Hoa Cúc ở tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T. Sau đó, Nông Hồng Q ở lại trông mô tơ. B đi mượn xe mô tô của ông Hoàng Văn N, sinh năm 1992, trú tại xóm P, xã Đ, huyện T để chở Quân và chiếc mô tơ đến bán cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố 1, thị trấn T, huyện T nhưng bà H không mua. Nông Hồng Q và B gửi lại chiếc mô tô tại nhà bà H. Đến 08 giờ 30 phút ngày 10/01/2022, B quay lại nhà bà H bán chiếc mô tơ. Bà H đồng ý mua với giá 740.000đ (bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Số tiền có được, Nông Hồng Q và B mua ma túy cùng nhau sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, Nông Văn Q khai nhận thêm: Ngoài vụ trộm cắp ngày 06/01/2022, Q còn thực hiện thêm 02 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 17/02/2022, Nông Văn Q thực hiện 01 (một) vụ trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 069.21 gần cổng Trường Trung học phổ thông P, xã C, huyện T. Đến 20 giờ cùng ngày, do không có tiền để mua ma túy, Nông Văn Q đem chiếc xe mô tô đến cầm cố với anh Lương Kiến Q, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện T được 1.000.000đ (một triệu đồng). Số tiền này, Nông Văn Q đi mua ma túy về sử dụng một mình.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 18/3/2022, Nông Văn Q một mình đến Trạm BTS Viettel thuộc xóm S, xã C, huyện T cắt trộm dây tiếp địa. Sau khi cắt trộm được, Nông Văn Q đem về nhà tách dây điện lấy lõi đồng đem bán cho ông Vũ Văn N, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn T, cân có khối lượng 4,1 kg được 494.000đ (bốn trăm chín mươi tư nghìn đồng). Số tiền có được Q đi mua ma túy về sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T ban hành kết luận định giá tài sản số 09, 10 ngày 18/02/2022, kết luận: Giá trị còn lại của chiếc mô tơ điện, loại 5,5 KW, nhãn hiệu nước ngoài, khối lượng 72 kg có trị giá 2.000.000đ (hai triệu đồng); chiếc máy mài cầm tay, nhãn hiệu nước ngoài, màu xanh có trị giá 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng); Giá trị còn lại của chiếc mô tơ điện, loại 5,5 KW, nhãn hiệu Việt Nam, khối lượng 74 kg có trị giá 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Ngày 21/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh có yêu cầu định giá tài sản. Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T ban hành kết luận định giá tài sản số 14 ngày 28/02/2022, kết luận: Giá trị còn lại của xe mô tô Biển kiểm soát 11K1 - 069.21 có giá trị 6.516.716đ (sáu triệu năm trăm mười sáu nghìn bảy trăm mười sáu đồng).

Ngày 31/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh có yêu cầu định giá tài sản. Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T

ban hành kết luận định giá tài sản số 33 ngày 08/6/2022, kết luận: Giá trị còn lại của dây tiếp địa có vỏ bọc màu vàng sọc xanh lõi đồng, loại dây M25, M35, M50 có tổng trị giá 365.316đ (ba trăm sáu mươi năm nghìn ba trăm mười sáu đồng).

Ngày 02/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành cho Nông Hồng Q, Nông Văn Q, Nông Văn L, Lê Văn B xác định vị trí, thực nghiệm điều tra. Kết quả phù hợp với lời khai các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nông Hồng Q, Nông Văn Q, Nông Văn L, Lê Văn B thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Mục đích trộm cắp tài sản để mang bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng.

Quá trình điều tra, xét thấy việc trả lại các vật chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã trả lại cho bà Nông Thị V 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 069.21, 01 (một) đôi gương xe mô tô; Trả lại cho ông Thạch Văn K 02 (hai) chiếc mô tô điện, 01 chiếc máy mài cầm tay là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 71/CT-VKSTK, ngày 16 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Nông Hồng Q, Nông Văn Q, Nông Văn L và Lê Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội, việc truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mục đích trộm cắp tài sản là để có tiền mua ma túy về sử dụng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bà V trình bày: Chiều ngày 17/02/2022 tôi có giao chiếc xe máy cho con (D) đi học, đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì con gọi điện báo mất xe. Hiện nay, tôi đã nhận lại chiếc xe nên không có yêu cầu gì thêm; về trách nhiệm hình sự, đề nghị xử lý người lấy trộm theo quy định của pháp luật.

Ông T trình bày: Ngày 18/3/2022 Trạm BTS tại xóm S, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng do tôi quản lý bị mất trộm dây tiếp địa. Nay tôi nhất trí với giá trị tài sản còn lại do Hội đồng định giá đã đưa ra là 365.316đ (Ba trăm sáu mươi năm nghìn ba trăm mười sáu đồng) và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho tôi số tiền này.

Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 07/7/2022, ông Thạch Văn K trình bày: Quá trình điều tra tôi đã trình bày toàn bộ những nội dung liên quan đến vụ án, nay tôi đã nhận lại được tài sản, tôi không có ý kiến gì khác. Tôi làm đơn này đề nghị được vắng mặt tại phiên xét xử.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được lấy lời khai tại Cơ quan điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt, trong biên bản lấy lời khai bà B trình bày: Ngày 07/01/2022 có hai thanh niên lạ mặt đến nhà tôi bán một cái mô tơ điện và nói là mô tơ của nhà, tôi có chụp ảnh người bán và xe máy. Tôi mua với số tiền 720.000 đồng, tôi không biết đó là tài sản trộm cắp. Tôi không yêu cầu lấy lại số tiền 720.000 đồng.

Ông Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được lấy lời khai tại Cơ quan điều tra, trong biên bản lấy lời khai ông Q trình bày: Sáng 11/01/2022 tôi có gặp L nhà ở tổ dân phố 6, thị trấn T, L có hỏi tôi mua máy mài không, máy của nhà em. Tôi mua với giá 150.000 đồng. Ông Q không yêu cầu lấy lại số tiền 150.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được lấy lời khai, tại biên bản lấy lời khai bà H trình bày: Quá trình điều tra tôi đã trình bày toàn bộ những nội dung liên quan đến vụ án, nay tôi không có ý kiến gì khác, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 740.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Lương Kiến Q trình bày: Khoảng 20 giờ, ngày 17/02/2022 Nông Văn Q có mang 01 xe mô tô đến nhà tôi và nói với tôi cần mượn 1.000.000 đồng, chiếc xe này là của Q, Q hẹn xong việc sẽ quay lại lấy xe nên tôi đã đưa tiền cho Q. Tôi không biết đó là tài sản trộm cắp. Tôi yêu cầu Q phải trả lại cho tôi số tiền 1.000.000 đồng.

Bà Nông Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được lấy lời khai tại Cơ quan điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 11/7/2022 bà Đ thể hiện ý kiến không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền bà Đ đã bỏ ra để mua tài sản đối với bị cáo.

Tại phần kết luận và tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nông Hồng Q, Nông Văn Q, Nông Văn L và Lê Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Hồng Q. Xử phạt bị cáo Nông Hồng Q từ 12 đến 15 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số: 41/2022/HSST, ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Văn Q. Xử phạt bị cáo Nông Văn Q từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo L. Xử phạt bị cáo Nông Văn L từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo B. Xử phạt bị cáo Lê Văn B từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, 587 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nông Văn Q phải trả lại cho anh Lương Kiến Q, sinh năm 1983, địa chỉ tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng số tiền 1.000.000 đồng; Phải bồi thường cho Công ty Viettel Chi nhánh huyện T (đại diện là ông Bé Văn T, sinh năm 1991, địa chỉ: Phố H, thị trấn Q, huyện Q, Cao Bằng) số tiền 365. 613 đồng.

Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 16cm;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 4,1kg các đoạn dây kim loại, đã bị cắt thành nhiều đoạn.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng;

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến bào chữa, không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, lời khai nhận của các bị cáo và lời khai của bị hại, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Ngày 06/01/2022, Nông Hồng Q, Nông Văn Q, Nông Văn L lén lút vào xưởng làm than tổ ong của ông Thạch Văn K tại tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T lấy trộm của ông K 01 chiếc mô tơ điện và 01 chiếc máy mài cầm tay. Tổng trị giá tài sản là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng);

Ngày 09/01/2022, Nông Hồng Q và Lê Văn B lén lút vào xưởng làm than tổ ong của ông Thạch Văn K, tại tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện T lấy trộm 01 (một) chiếc mô tơ điện có trị giá 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Ngoài ra, ngày 17/02/2022, tại khu vực cổng Trường Trung học phổ thông P, thuộc địa phận xóm Đ, xã C, huyện T, Nông Văn Q lấy trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11K1 - 069.21 của bà Nông Thị V, trú tại xóm B, xã Đ, huyện T có giá trị 6.516.716đ (sáu triệu năm trăm mười sáu nghìn bảy trăm mười sáu đồng); Ngày 18/3/2022, Nông Văn Q có hành vi cắt trộm dây tiếp địa (dây chống sét) tại Trạm BTS Viettel thuộc xóm S, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng có trị giá 365.316đ (ba trăm sáu mươi năm nghìn ba trăm mười sáu đồng).

Quá trình điều tra và tại tòa, các bị cáo đều khai nhận mục đích trộm cắp tài sản là bán lấy tiền mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Do vậy, hành vi của các bị cáo Nông Hồng Q, Nông Văn Q, Nông Văn L và Lê Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết pháp luật nhưng do bản thân nghiện ma túy nên đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, đã từng bị cơ quan chức năng xử lý về hành chính, hình sự (trừ bị cáo Nông Văn Q); Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo, tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nông Hồng Q, Nông Văn Q nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 02 lần giá trị tài sản trộm cắp từ 2.000.000 đồng trở lên đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Do vậy, các bị cáo

phải chịu 01 tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Do đó, cả 04 bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nông Văn Q là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên được chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 16cm, đây là công cụ bị cáo Nông Văn Q sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 4,1kg các đoạn dây kim loại, đã bị cắt thành nhiều đoạn, tại phiên tòa đại diện bị hại là ông Tuấn không yêu cầu lấy lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Kiến Q yêu cầu bị cáo Nông Văn Q trả lại số tiền 1.000.000 đồng. Xét yêu cầu của ông Q là có căn cứ nên buộc bị cáo Q phải trả lại số tiền trên cho ông Q.

- Đại diện của bị hại là Công ty Viettel Chi nhánh huyện T, ông Bé Văn T yêu cầu được bồi thường số tiền 365. 613 đồng. Yêu cầu của bị hại là có căn cứ nên buộc bị cáo Nông Văn Q phải bồi thường cho Công ty Viettel Chi nhánh huyện T số tiền trên.

Đối với các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt về tài sản của họ nên không buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo bản thân nghiện ma túy, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Hồng Q, Nông Văn Q, Nông Văn L và Lê Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Hồng Q. Xử phạt bị cáo Nông Hồng Q 15 (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 41/2022/HS-ST ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng đã xử phạt bị cáo 12 (mười hai) tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của cả hai bản án là 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt 25/01/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nông Văn Q. Xử phạt bị cáo Nông Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt 19/3/2022, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ trước đó từ ngày 19/02/2022 đến ngày 28/02/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo L. Xử phạt bị cáo Nông Văn L 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt 19/5/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo B. Xử phạt bị cáo Lê Văn B 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt 06/4/2022.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại dài khoảng 16cm; 4,1kg các đoạn dây kim loại, đã bị cắt thành nhiều đoạn.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận ngày 17/6/2022.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Nông Văn Q phải trả lại cho ông Lương Kiến Q, sinh năm 1983; địa chỉ tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nông Văn Q phải bồi thường cho Công ty Viettel Chi nhánh huyện T (Người đại diện: ông Bế Văn T, địa chỉ: Phố H, thị trấn Q, huyện Q, Cao Bằng) số tiền 365. 613đ (ba trăm sáu mươi năm nghìn sáu trăm mười ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nông Hồng Q, Nông Văn Q, Nông Văn L và Lê Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Ngoài ra, bị cáo Nông Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Báo cho các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Sở Tư pháp Cao Bằng;
- Công an huyện; các bị cáo;
- THADS huyện;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Quốc Hùng